

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Marketing	
Trình độ đào tạo:	Đại học	
Ngành đào tạo:	Marketing	Mã số: 7340115
Loại hình đào tạo:	Chính quy	

(Ban hành theo quyết định số 613b/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình là đào tạo cử nhân Marketing có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội và định hướng nghề nghiệp rõ ràng; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu về Marketing; có tư duy đổi mới sáng tạo, có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề của tổ chức, doanh nghiệp trước những thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế toàn cầu; có khả năng làm việc độc lập, năng lực tự học tập, thích ứng nhanh với các nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng Marketing; đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ đại học và có thể tiếp tục tham gia học tập ở các bậc đào tạo cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- MT1: Có kiến thức nền tảng về kinh tế và Quản trị kinh doanh. Có kiến thức lý thuyết cũng như thực tiễn chuyên sâu về ngành Marketing trong môi trường kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: nghiên cứu thị trường và hành vi khách hàng; xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing, các hoạt động liên quan đến 4Ps nhằm đạt được mục tiêu đề ra một cách hiệu quả và chuyên nghiệp.

- MT2: Có khả năng hoạch định, tổ chức, thực hiện, phân tích và đánh giá các dự án nghiên cứu thị trường, đồng thời phục vụ cho việc ra quyết định Marketing đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, tổ chức.

1.2.2. Về kỹ năng

- MT3: Có năng lực sáng tạo, đổi mới trong các hoạt động chuyên môn; có khả năng

mở rộng và cập nhật kiến thức, có ý trí tự khởi nghiệp trong lĩnh vực Marketing và các lĩnh vực liên quan, mang lại lợi ích cho cộng đồng và xã hội.

- MT4: Có đủ năng lực đảm nhận và thực hiện công việc thuộc các vị trí chuyên viên và quản trị Marketing tại các doanh nghiệp, tổ chức

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- MT5: Có khả năng tự chủ trong công việc và có trách nhiệm thực hiện tốt công việc chuyên môn một cách chủ động, sáng tạo, có đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm đối với xã hội.

1.2.4. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- CDR1: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật, phương pháp luận và thế giới quan khoa học để phát triển chuyên môn;

- CDR2: Nắm vững những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước. Có sức khỏe tốt để học tập, làm việc suốt đời;

- CDR3: Áp dụng được các kiến thức nền tảng về kinh tế, kinh doanh và pháp luật vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;

- CDR4: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về quản lý, kinh doanh để hoạch định, tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động chuyên môn;

- CDR5: Vận dụng được kiến thức cốt lõi về Marketing để phân tích đặc điểm thị trường và hành vi khách hàng gắn với môi trường số phục vụ triển khai hoạt động Marketing;

- CDR6: Áp dụng các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu nhằm thấu cảm khách hàng và phát triển năng lực nghiên cứu;

- CDR7: Đề xuất kế hoạch Marketing cho các doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại;

- CDR8: Vận dụng cách thức hoạch định và tổ chức triển khai một cách hiệu quả các chiến lược, chiến dịch và chương trình Marketing như: nghiên cứu thị trường, thiết kế sản phẩm mới, tổ chức kênh phân phối, xây dựng thương hiệu, truyền thông cho thương hiệu sản phẩm và công ty, bán hàng và phát triển thị trường;

2.2. Kỹ năng

- CDR9: Vận dụng được trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT);

- CDR10: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- CDR11: Thực hiện nghiên cứu, phân tích thị trường, tâm lý và hành vi khách hàng;

- CDR12: Có khả năng phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh liên quan đến hoạt động Marketing một cách linh hoạt phù hợp với điều kiện môi trường;

- CDR13: Xây dựng kế hoạch Marketing, kế hoạch chức năng trong Marketing, thực hiện triển khai các quyết định 4Ps trong kinh doanh truyền thống và kinh doanh trong thời đại số;

- CDR14: Có khả năng làm việc nhóm (thành lập, lãnh đạo, tổ chức hoạt động và phát triển nhóm) hiệu quả trong công việc chuyên môn;

- CDR15: Có năng lực giao tiếp, khả năng thuyết trình, đàm phán, phản biện và giải quyết các vấn đề chuyên môn;

- CDR16: Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học để phát triển nghề nghiệp;

- CDR17: Có khả năng sử dụng một số phần mềm dùng cho ngành để phân tích dữ liệu AMIS, SPSS, EXCEL...

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CDR18: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, đồng thời có năng lực học tập suốt đời;

- CDR19: Có đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

- Nhóm 1: Các cơ quan quản lý nhà nước.

Vị trí: chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách; quản lý thị trường và thương mại... có liên quan đến thị trường, khách hàng, thương hiệu và các vấn đề Marketing nói chung; phụ trách trung tâm xúc tiến thương mại và thị trường...

- Nhóm 2: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu.

Vị trí: trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu,... triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, phân tích, hoạch định chính sách, tham gia đề xuất, xây dựng và phát triển các ý tưởng sáng tạo.

- Nhóm 3: Tại các doanh nghiệp, sinh viên tốt nghiệp ngành Marketing có thể làm việc tốt tại các vị trí công việc là chuyên viên hay nhà quản trị các bộ phận có liên quan đến hoạt động marketing, thị trường, khách hàng, thương hiệu và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Bộ phận marketing, quản trị marketing, quản trị và phát triển thị trường.

+ Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm; nghiên cứu thị trường.

+ Bộ phận quản trị thương hiệu; bộ phận quảng cáo và phát triển ý tưởng sáng tạo.

+ Bộ phận quản trị kênh phân phối, bán hàng và dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng và quản trị quan hệ khách hàng.

+ Bộ phận cung ứng dịch vụ cho khách hàng của các công ty cung ứng dịch vụ liên quan đến thương hiệu, nghiên cứu marketing, truyền thông marketing.

+ Có khả năng trở thành giám đốc marketing, trưởng các bộ phận chức năng marketing, truyền thông, giám đốc thương hiệu...

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																		
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19
MT1	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X		X		
MT2				X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X		
MT3					X	X			X	X	X	X	X	X	X	X		X	X
MT4			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
MT5																		X	X

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 39 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 97 tín chỉ
 - Phần lý thuyết 67 tín chỉ
 - Phần thực hành, thực tập, đồ án 21 tín chỉ
 - Khoá luận tốt nghiệp 9 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1.1. Kiến thức giáo dục đại cương (39 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)					
1.1.1. Lý luận chính trị			11		
001535	1. Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	X
001536	2. Kinh tế chính trị Mac-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	X
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	X
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	X
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	X
1.1.2. Khoa học xã hội			2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1.1.3. Nhân văn - Nghệ thuật			0		
1.1.4. Khoa học tự nhiên – Toán học			6		
001102	1. Xác suất thống kê	KHUĐ	3	(36, 18, 90)	X
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUĐ	3	(36, 18,90)	X
1.1.5. Ngoại ngữ			16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	X
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	X
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	X
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	X
1.1.6. Kiến thức bổ trợ			4		
000566	1. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26, 8, 60)	X
002129	2. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUĐ	1	(15, 0, 30)	X
002151	3. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUĐ	1	(15, 0, 30)	X
000569	4. Soạn thảo văn bản	DLKS	2	(26, 8, 60)	
001718	8. Kỹ năng trình diễn vấn đề	QT&MAR	2	(27, 6, 60)	
1.1.7. Giáo dục thể chất			4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	X
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	X
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	X
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	X
1.1.8. Giáo dục quốc phòng			8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDTC	3	(37, 16, 0)	X
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDTC	2	(22, 16, 0)	X
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDTC	1	(7, 16, 0)	X
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDTC	2	(4, 56, 0)	X
1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (97 tín chỉ)					
1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			23		
<i>1.2.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>			<i>20</i>		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	X
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	X
000519	3. Văn hoá kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	X
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	KT	3	(39, 12, 90)	X
001201	5. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
001109	6. Tài chính tiền tệ	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001717	7. Kế toán doanh nghiệp	KT	3	(39, 12, 90)	X
000568	8. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	X
<i>1.2.1.2. Kiến thức tự chọn (tự chọn 4 tín chỉ)</i>			3		
001269	10. Nguyên lý thống kê và thống kê KD	DLKS	2	(26, 8, 60)	X
002379	11. Kỹ năng nghề nghiệp - QTMK	QT&MAR	1	(26, 8, 60)	X
001200	12. Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm	KHUĐ	2	(26, 8, 60)	
001619	13. Kế toán quản trị	KT	2	(26, 8, 60)	
000456	14. Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	
000563	15. Kinh tế quốc tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	
1.2.2. Kiến thức ngành			49		
<i>1.2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>			37		
001104	1. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
00497	2. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
02380	3. Hành vi khách hàng	QT&MAR	3	(26, 8, 60)	X
001601	4. Nghiên cứu Marketing	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
001346	5. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	X
002381	6. Quản trị kênh phân phối	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	X
002382	7. Thực hành Quản trị marketing trong doanh nghiệp.	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	X
002383	8. Quản trị truyền thông marketing	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	X
001392	9. Quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
002384	10. Digital Marketing	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
002386	11. Thực hành xây dựng chương trình truyền thông marketing tích hợp	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	X
002387	12. Quản trị sản phẩm	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	X
002388	13. Quản trị giá	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
001107	14. Quản trị marketing	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
<i>1.2.2.2. Kiến thức tự chọn</i>			12		
002389	1. Marketing chiến lược	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
002062	2. Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
001289	3. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002390	4. Quan hệ công chúng	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001106	5. Quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001481	6. Xây dựng và phát triển thương hiệu	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
001333	7. Marketing thương mại	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001324	8. Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001253	9. Quản trị dự án	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001999	10. Quản trị quan hệ khách hàng	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
001479	11. Thực hành quản trị quan hệ khách hàng	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	X
1.2.3 Kiến thức chuyên sâu			25		
001611	1. Marketing quốc tế	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
002391	2. Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	X
002385	3. Thực hành Digital- Marketing	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	X
001287	4. Marketing dịch vụ	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
002392	Thực tập cuối khóa ngành QTMK	QT&MAR	5	(0, 300, 0)	X
002393	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTMK	QT&MAR	9	(0, 540, 0)	x
002057	1. HPTT1: Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
001288	2. HPTT2: Thương mại điện tử	TM	3	(39, 12, 90)	X
002394	3. HPTT3: Tổ chức sự kiện - QTMK	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- ✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

- Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

